

Số: 1145/KH-ĐHNLBG-ĐT

Bắc Giang, ngày 18 tháng 12 năm 2020

KẾ HOẠCH
Giảng dạy học kỳ 2 năm học 2020 - 2021

A - PHÂN BỐ THỜI GIAN CHO HỌC KỲ

- Tổng số tuần: 22 tuần - Bắt đầu học kỳ: 11/01/2021; - Kết thúc học kỳ: 25/6/2021.
- Nghỉ tết Nguyên đán Canh tý: 02 tuần - Từ 08/02/2021 đến 21/02/2021 (từ 27/12 đến 08/01 Âm lịch).
- Nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương: 01 ngày - 21/4/2021.
- Nghỉ ngày Thống nhất đất nước: 01 ngày - 30/4/2021.
- Nghỉ ngày Quốc tế lao động: 01 ngày - 01/5/2021.
- Nghỉ hè: 06 tuần - Từ 28/6/2021 đến 06/8/2021.
- Học kỳ phụ: 06 tuần - Từ 28/6/2021 đến 06/8/2021.

B - KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

I - KHOA KINH TẾ - TÀI CHÍNH

1. Lớp D-KETOAN 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		10		
1.1	KTO2043	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp		10	15 tuần	
1.2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:		10		
-	KTO2044	Chuyên đề tốt nghiệp		6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:		4		
+	KTO2027	Quản lý tài chính công	Phạm Thị Phương	2	23	15
+	KTO2032	Kế toán hợp tác xã	Phạm Thị Thanh Lê	2	23	15
		Tổng cộng		10	46	30

- Thực tập tốt nghiệp:
- + Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 19/10/2020 đến 29/01/2021.
- + Chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 19/10/2020 đến 25/12/2020.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 22/02/2021 đến 26/3/2021.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 28/12/2020 đến 29/01/2021.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: tháng 4/2021.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 5/2021.

2. Lớp D-KETOAN 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	KTO2050	Thị trường chứng khoán	HD - Ngô Đức Tuấn	3	30	30
2	KTO2016	Kiểm toán tài chính	Hoàng Nguyệt Quyên	3	30	30
3		Học phần tự chọn:				
-	KTE2036	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Trần Thị Lý	3	38	15
-	KTO2060	Lập và quản lý dự án	Đinh Nho Toàn	3	30	30
-	KTO2027	Quản lý tài chính công	Phạm Thị Phương	2	23	15
4	KTO2064	Thực tập nghề nghiệp		6		
-		Thực tập Kế toán hành chính sự nghiệp	HD - Lê Thị Năm	2	0	60
-		Thực tập Kế toán doanh nghiệp	HD - Phan Thị Huệ	2	0	60
-		Thực tập tại cơ sở		2	02 tuần	
		Tổng cộng		24	151	240

- Thực tập nghề nghiệp: 02 tuần, từ 14/6/2021 đến 25/6/2021.

3. Lớp D-KETOAN 9A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2011	Kỹ năng giao tiếp	Đinh Thị Loan	2	15	30
2	KTO2004	Nguyên lý thống kê kinh tế	Nguyễn Thị Dung	3	30	30
3	KTO2052	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	Nguyễn Thị Ung	3	30	30
4	KTE2005	Pháp luật kinh tế	Nguyễn Hải Nam	2	30	15
5	KTO2058	Quản trị doanh nghiệp	Phạm Thị Phương	3	30	30
6	KTO2008	Thống kê doanh nghiệp	Hoàng Nguyệt Quyên	3	30	30
7	KTO2029	Kế toán ngân sách xã	Phạm Thị Phương	2	23	15
8	KTO2056	Tài chính doanh nghiệp	Phạm Thị Thanh Lê	3	30	30
		Tổng cộng		21	218	210

4. Lớp D-KETOAN 10A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2014	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trần Thị Hương	2	15	30
2	LLC2015	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đinh Thị Loan	2	15	30
3	LLC2004	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Dung	2	15	30
4	LLC2005	Tâm lý học đại cương	Đặng Xuân Anh	2	15	30
5		Chọn 1 trong 2 ngoại ngữ:				
-	THN2022	Tiếng Anh 2	Nguyễn Thị Hoa	4	30	60
-	THN2028	Tiếng Trung 2	Nguyễn Công Thành	4	30	60
6	KCB2026	Toán cao cấp	Diễm Đăng Huân	2	15	30
7	KTE2002	Kinh tế vi mô 1	Võ Thị Khánh Linh	3	30	30
8	KTO2002	Nguyên lý kế toán	Phạm Thị Thanh Lê	3	30	30
9	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
		Tổng cộng		21	165	300

Handwritten signature/initials

5. Lớp DL-KETOAN 10A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2012	Kỹ năng thực hành xã hội	Đặng Xuân Anh	2	15	30
2	KTO2005	Kiểm toán căn bản	Hoàng Nguyệt Quyên	3	30	30
3	KTO2050	Thị trường chứng khoán	HD - Ngô Đức Tuấn	3	30	30
4	KTO2051	Thuế	Phạm Thị Phụng	3	30	30
5	KTO2055	Kế toán hành chính sự nghiệp	Nguyễn Thị Ứng	3	30	30
6	KTO2029	Kế toán ngân sách xã	Phạm Thị Phụng	2	23	15
7	KTO2057	Phân tích hoạt động kinh doanh	Hoàng Ninh Chi	3	30	30
8	KTO2058	Quản trị doanh nghiệp	Phạm Thị Phương	3	30	30
9	KTO2005	Kinh tế quốc tế	Nguyễn Hải Nam	2	23	15
10	KTO2062	Thực tập nghề nghiệp:		6	6 Tuần	
		Tổng cộng		30	241	240

6. Lớp DLV-KETOAN 10A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	KTE2004	Toán kinh tế	Võ Thị Khánh Linh	3	30	30
2	KTE2002	Kinh tế vi mô 1	Võ Thị Khánh Linh	3	30	30
3	KTO2049	Marketing căn bản	Phạm Thị Phương	3	30	30
4	KTO2058	Quản trị doanh nghiệp	Phạm Thị Phương	3	30	30
5	KTO2055	Kế toán hành chính sự nghiệp	Nguyễn Thị Ứng	3	30	30
6	KTO2031	Kế toán thương mại dịch vụ	Nguyễn Thị Ứng	2	23	15
7	KTO2053	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	Phạm Thị Dinh	3	30	30
8	KTO2059	Tổ chức công tác kế toán trong DN	Phạm Thị Dinh	2	23	15
9	KTO2008	Thống kê doanh nghiệp	Hoàng Ninh Chi	3	30	30
10	KTO2057	Phân tích hoạt động kinh doanh	Hoàng Ninh Chi	3	30	30
11	KTO2003	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Trần Thị Ngọc Ánh	3	30	30
12	KTO2019	Kế toán quản trị	Trần Thị Ngọc Ánh	3	30	30
		Tổng cộng		34	346	330

Handwritten signature

7. Lớp D-KINHTE 10A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2014	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trần Thị Hương	2	15	30
2	LLC2015	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đinh Thị Loan	2	15	30
3	LLC2004	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Dung	2	15	30
4	LLC2005	Tâm lý học đại cương	Đặng Xuân Anh	2	15	30
5		Chọn 1 trong 2 ngoại ngữ:				
-	THN2023	Tiếng Anh 2	Nguyễn Thị Hoa	4	30	60
-	THN2028	Tiếng Trung 2	Nguyễn Công Thành	4	30	60
6	KCB2003	Toán cao cấp	Diêm Đăng Huân	3	30	30
7	KTE2002	Kinh tế vi mô 1	Võ Thị Khánh Linh	3	30	30
8	KTO2002	Nguyên lý kế toán	Phạm Thị Thanh Lê	3	30	30
9	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
		Tổng cộng		22	180	300

8. Lớp DLT-KINHTE 9A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	KTO2042	Thống kê kinh tế xã hội	Hoàng Nguyệt Quyên	3	30	30
2	KTO2019	Kế toán quản trị	Phạm Thị Dinh	3	30	30
3	KTE2006	Tin học ứng dụng trong kinh tế	Đinh Nho Toàn	3	30	30
4	KTE2014	Kinh tế phát triển	Nông Hữu Tùng	3	38	15
5	KTE2016	Kinh tế nông nghiệp	Nguyễn Thực Huy	3	38	15
6	KTE2015	Kinh tế công cộng	Phan Thị Hà Châm	3	38	15
7	KTE2020	Kinh tế thương mại dịch vụ	Phan Thị Hà Châm	2	23	15
8	KTO2060	Lập và quản lý dự án	Đinh Nho Toàn	3	30	30
9	KTE7033	Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề		2	10 tuần	
		Tổng cộng		25	257	180

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 07/6/2021 đến 13/6/2021.

- Thực tập tốt nghiệp: 10 tuần, từ 14/6/2021 đến 20/8/2021.

- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: tháng 9/2021.

- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 10/2021.

II. KHOA NÔNG HỌC

1. Lớp D-KHCT 7A

- Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 09/11/2020 đến 05/3/2021.
- Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp: từ 08/3/2021 đến 02/4/2021.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: tháng 4/2021.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 5/2021.

2. Lớp D-KHCT 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	KHC2045	Cây công nghiệp	Hoàng Thị Mai	5	53	45
2	KHC2047	Trồng cây không dùng đất	Dương Văn Quân	2	23	15
3	KHC2041	Bảo quản nông sản sau thu hoạch	Nguyễn Thị Thu Phương	2	23	15
4	KHC2049	Nông nghiệp hữu cơ	Nguyễn Văn Hoàn	2	23	15
5	KHC2052	Hoa, cây cảnh và thiết kế cảnh quan	Dương Văn Quân	3	30	30
6	KHC2026	Khuyến nông	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	2	23	15
7		<i>Học phần tự chọn:</i>				
-	KHC2023	Sản xuất giống và công nghệ hạt giống	Nguyễn Tuấn Điệp	2	23	15
-	KHC2025	Hệ thống nông nghiệp	Bùi Thị Thu Trang	2	23	15
		Tổng cộng		20	221	165

3. Lớp DLV-BVTV 10A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	KCB2008	Hóa hữu cơ	Nguyễn Thị Hoài Trang	2	23	15
2	KCB2009	Hóa phân tích	Chu Thị Nhân	2	23	15
3	KCB2004	Xác suất - Thống kê	Mai Thị Thanh Huyền	3	30	30
4	BVT2019	Phòng trừ sinh học và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật	Chu Thùy Dương	4	30	60
5	CNS2003	Vi sinh vật đại cương	Chu Thùy Dương	3	30	30
6	KHC2039	Hóa sinh thực vật	Trần Thị Hiền	2	23	45
7	BVT2021	Quản lý dịch hại tổng hợp	Trần Thị Hiền	3	30	30
8	BVT2017	Cơ đại và biện pháp phòng trừ	HD - Nguyễn Văn Dũng	3	30	30
9	KHC2043	Phương pháp thí nghiệm và thống kê sinh học	Nguyễn Thị Ngọc	5	45	45
10		<i>Học phần tự chọn:</i>				
-	KHC2018	Hoa, cây cảnh	Nguyễn Thị Ngọc	2	23	15
		Tổng cộng		29	287	315

III. KHOA CHĂN NUÔI - THÚ Y

1. Lớp D-CNTY 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		10		
1.1	CNU2037	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp		10		15 tuần
1.2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:		10		
-	CNU2038	Chuyên đề tốt nghiệp		6		10 tuần
-		Học phần tự chọn:				
+	CNU2014	Công nghệ sản xuất thức ăn công nghiệp	Dương Thị Vi	2	23	15
+	THY2054	Một sức khỏe	Nguyễn Việt Dũng	2	23	15
		Tổng cộng		10	46	30

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 14/12/2020 đến 18/12/2020.

- Thực tập tốt nghiệp:

+ Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 21/12/2020 đến 16/4/2021

+ Chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 21/12/2020 đến 12/3/2021.

- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 19/4/2021 đến 14/5/2021.

- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 15/3/2021 đến 16/4/2021

- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: tháng 5/2021.

- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 6/2021.

2. Lớp D-CHANNUOI 10A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2014	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trần Thị Hương	2	15	30
2	LLC2015	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đinh Thị Loan	2	15	30
3	LLC2004	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Dung	2	15	30
4	LLC2005	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Việt Đức	2	15	30
5		Chọn 1 trong 2 ngoại ngữ:				
-	THN2023	Tiếng Anh 2	Nguyễn Thị Hoa	4	30	60
-	THN2028	Tiếng Trung 2	Nguyễn Công Thành	4	30	60
6	TNM2033	Sinh thái môi trường	Nguyễn Tuấn Cường	2	23	15
7	KCB2004	Xác suất - Thống kê	Diêm Đăng Huân	3	30	30
8	KCB2009	Hóa phân tích	Chu Thị Nhân	2	23	15
9	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
		Tổng cộng		20	166	270

Handwritten signature

3. Lớp D-THUY 6A, D-THUY 6B, D-THUY 6C

- Thực tập tốt nghiệp:
- + Khóa luận tốt nghiệp: 20 tuần, từ 31/8/2020 đến 15/01/2021.
- + Chuyên đề tốt nghiệp: 15 tuần, từ 31/8/2020 đến 11/12/2020.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận, từ 18/01/2021 đến 26/02/2021.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 14/12/2020 đến 05/02/2021.
- Tổng kết điểm và xét tốt nghiệp: tháng 3/2021.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 4/2021.

4. Lớp D-THUY 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	THY2043	Kiểm nghiệm thú sản và vệ sinh an toàn thực phẩm động vật	Nguyễn Thị Hương	4	45	30
2	THY2051	Ký sinh trùng thú y	Nguyễn Thị Hương Giang	4	45	30
3	CNU2010	Chăn nuôi gia cầm	Đoàn Văn Soạn	3	30	30
4		Học phần tự chọn:				
-	THY2069	Bệnh chó, mèo	Hồ Thu Hiền	3	30	30
5	THY2030	Thực tập rèn nghề tại BVTY và cơ sở		1.5	03 tuần	
6	THY2031	Thực tập nghề nghiệp 1		4	08 tuần	
		Tổng cộng		20	150	120

- Thực tập rèn nghề tại BVTY và cơ sở, Thực tập nghề nghiệp 1: 11 tuần, từ 03/5/2021 đến 16/7/2021.

5. Lớp D-THUY 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	THY2048	Độc chất và dược liệu thú y	Vũ Thị Hoài Thu	4	45	15
			Trần Thị Trinh		0	15
2	CNU2008	Chăn nuôi lợn	Đoàn Văn Soạn	3	30	30
3	THY2010	Bệnh nội khoa thú y	Nguyễn Thị Thanh Hải	3	30	30
4	THY2018	Vệ sinh thú y	Trần Thị Tâm	2	23	15
5	THY2015	Sinh sản gia súc	Ngô Thành Vinh	3	30	30
6		Học phần tự chọn:				
-	CNU2039	Tập tính và phúc lợi động vật	Nguyễn Văn Lưu	2	23	15
-	CNU2013	Phương pháp thí nghiệm chăn nuôi	Đỗ Thị Thu Hương	2	23	15
-	CNU2022	Chăn nuôi ong	Nguyễn Thị Thu Huyền	2	23	15
		Tổng cộng		21	227	180

Handwritten signature

6. Lớp D-THUY 9A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2011	Kỹ năng giao tiếp	Đinh Thị Loan	2	15	30
2	KCB2008	Hóa hữu cơ	Nguyễn Thị Hoài Trang	2	23	15
3	CNU2057	Giải phẫu vật nuôi	Đặng Hồng Quyên	5	53	45
4	CNU2002	Hóa sinh động vật	Dương Thị Vi	3	30	30
5	CNU2041	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	Nguyễn Thị Xuân Hồng	3	30	30
6	CNU2029	Tổ chức và phối thai động vật	Nguyễn Thị Chinh	3	30	30
7	THY2044	Dược lý thú y	HD - Nguyễn Đức Dương	4	45	30
		Tổng cộng		22	226	210

7. Lớp D-THUY 10A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2014	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trần Thị Hương	2	15	30
2	LLC2015	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đinh Thị Loan	2	15	30
3	LLC2004	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Dung	2	15	30
4	LLC2005	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Việt Đức	2	15	30
5		Chọn 1 trong 2 ngoại ngữ:				
-	THN2023	Tiếng Anh 2	Nguyễn Thị Hoa	4	30	60
-	THN2028	Tiếng Trung 2	Nguyễn Công Thành	4	30	60
6	TNM2033	Sinh thái môi trường	Nguyễn Tuấn Cường	2	23	15
7	KCB2027	Xác suất - Thống kê	Diêm Đăng Huân	2	15	30
8	KCB2009	Hóa phân tích	Chữ Thị Nhân	2	23	15
9	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
		Tổng cộng		19	151	270

8. Lớp DLT-THUY 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	CNU2004	Di truyền động vật	Đoàn Phương Thúy	3	30	30
2	THY2046	Vì sinh vật thú y	HD - Nguyễn Thị Bích Thủy	4	45	30
3	THY7010	Bệnh nội khoa thú y	Nguyễn Thị Thanh Hải	2	23	15
4	THY7014	Bệnh ngoại khoa thú y	Nguyễn Việt Dũng	2	23	15
5	THY2056	Thực tập nghề nghiệp		4	08 tuần	
6	THY6039	Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề		2	10 tuần	
		Tổng cộng		17	121	90

- Thực tập nghề nghiệp: 08 tuần, từ 06/4/2021 đến 28/5/2021.
- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 31/5/2021 đến 04/6/2021.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 07/6/2021 đến 13/8/2021.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: tháng 9/2021.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 10/2021.

9. Lớp DL-THUY 10A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	CNU2057	Giải phẫu vật nuôi	Nguyễn Đình Nguyên	5	53	45
2	THY2050	Truyền nhiễm thú y	Nguyễn Trọng Kim	5	53	15
			Trần Thị Trinh		0	30
3	THY2014	Bệnh ngoại khoa thú y	Nguyễn Việt Dũng	3	30	30
4	LLC2012	Kỹ năng thực hành xã hội	Nguyễn Thị Diễm	2	15	30
5	KCB2004	Xác suất - Thống kê	Mai Thị Thanh Huyền	3	30	30
6	KCB2009	Hóa phân tích	Chu Thị Nhân	2	23	15
7	CNS2024	Sinh học phân tử 1	Hoàng Thị Thao	2	23	15
8	THY2052	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	Nguyễn Thị Hương Giang	3	30	30
9	THY2049	Dịch tễ học thú y	Trần Đức Hoàn	3	30	30
10		Học phần tự chọn:				
-	THY2028	Phương pháp tiếp cận khoa học trong chăn nuôi - thú y	HD - Nguyễn Quang Tin	2	23	15
		Tổng cộng		30	310	285

10. Lớp DL-THUY 10B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	CNU2004	Di truyền động vật	Đoàn Phương Thúy	3	30	30
2	THY2046	Vi sinh vật thú y	HD - Nguyễn Thị Bích Thủy	4	45	30
3	THY2010	Bệnh nội khoa thú y	Nguyễn Thị Thanh Hải	3	30	30
4	LLC2012	Kỹ năng thực hành xã hội	Nguyễn Thị Diễm	2	15	30
5	LLC2020	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Hoàng Yến	2	23	15
6	THY2048	Độc chất và dược liệu học thú y	Vũ Thị Hoài Thu	4	45	30
7	THY2052	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	Nguyễn Trọng Kim	3	30	30
8	KCB2011	Động vật học	Hoàng Thị Thúy	2	23	15
9	THY2015	Sinh sản gia súc	Ngô Thành Vinh	3	30	30
10		Học phần tự chọn:				
-	THY2028	Phương pháp tiếp cận khoa học trong CNTY	HD - Nguyễn Quang Tin	2	23	15
-	THY2025	Bệnh thủy sản	Lê Đình Hải	2	23	15
		Tổng cộng		30	317	270

11. Lớp DLT-THUY 7A, DLT-THUY 7E, DLT-THUY 8B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề		6	10 tuần	
		Tổng cộng		6		

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 14/12/2020 đến 25/12/2020.
- Thực tập tốt nghiệp: 10 tuần, từ 28/12/2020 đến 19/3/2021.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: tháng 3/2021.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 4/2021.

12. Lớp DLV-THUY 9A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Thực tập tốt nghiệp		6		
1.1	THY6039	<i>Chuyên đề tốt nghiệp</i>		2	10 tuần	
1.2		<i>Học phần tự chọn:</i>				
-	CNU2042	Chăn nuôi dê, thỏ	Nguyễn Đình Nguyên	2	23	15
-	CNU2039	Tập tính và phúc lợi động vật	Nguyễn Văn Lưu	2	23	15
		Tổng cộng		6	46	30

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 07/12/2020 đến 11/12/2020.
- Thực tập tốt nghiệp: 10 tuần, từ 14/12/2020 đến 03/3/2021.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 08/3/2021 đến 09/4/2021.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: tháng 4/2021.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 5/2021.

13. Lớp C-THUY 19A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	THY2018	Vệ sinh thú y	Trần Thị Tâm	2	23	15
2		<i>Học phần tự chọn:</i>				
-	CNU1008	Chăn nuôi lợn	Nguyễn Thị Huệ	3	30	30
3	THY1029	Thực hành rèn nghề tại BVTV và cơ sở		1.5	03 tuần	
4	THY1031	Thực tập nghề nghiệp 1		2	03 tuần	
5	THY1032	Thực tập nghề nghiệp 2		2	03 tuần	
6		Thực tập tốt nghiệp:		6		
6.1	THY1034	<i>Chuyên đề tốt nghiệp</i>		2	10 tuần	
6.2		<i>Học phần tự chọn:</i>		4		
-	CNU2007	Thức ăn chăn nuôi	Nguyễn Thị Hạnh	2	23	15
-	CNU1042	Chăn nuôi dê, thỏ	Nguyễn Đình Nguyên	2	23	15
		Tổng cộng		16.5	53	45

- Thực hành rèn nghề tại BVTV và cơ sở: 03 tuần, từ 08/3/2021 đến 26/3/2021.
- Thực tập nghề nghiệp 1: 03 tuần, từ 29/3/2021 đến 16/4/2021.
- Thực tập nghề nghiệp 2: 03 tuần, từ 19/4/2021 đến 07/5/2021.
- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 10/5/2021 đến 14/5/2021.
- Thực tập tốt nghiệp: 10 tuần, từ 17/5/2021 đến 23/7/2021.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 26/7/2021 đến 27/8/2021.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: tháng 9/2021.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 10/2021.

IV. KHOA TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Lớp D-QLDD 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		10		
-	QLD2036	Chuyên đề tốt nghiệp		6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:		4		
+	QLD2029	Quy hoạch cảnh quan	Trần Thị Hiền	2	23	15
+	QLD2046	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội	Phạm Quốc Thắng	2	23	15
		Tổng cộng		10	46	30

- Thực tập tốt nghiệp và chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 14/12/2020 đến 05/03/2021.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 08/3/2021 đến 09/4/2021.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: tháng 4/2021.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 5/2021.

2. Lớp D-QLDD 10A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2014	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trần Thị Hương	2	15	30
2	LLC2015	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đinh Thị Loan	2	15	30
3	LLC2004	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Dung	2	15	30
4	LLC2005	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Việt Đức	2	15	30
5		Chọn 1 trong 2 ngoại ngữ:				
-	THN2023	Tiếng Anh 2	Nguyễn Thị Hoa	4	30	60
-	THN2028	Tiếng Trung 2	Nguyễn Công Thành	4	30	60
6	TNM2033	Sinh thái môi trường	Nguyễn Tuấn Cường	2	23	15
7	KCB2027	Xác suất - Thống kê	Diêm Đăng Huân	2	15	30
8	QLD2054	Thổ nhưỡng	Nguyễn Văn Vượng	3	38	15
9	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
		Tổng cộng		20	166	270

3. Lớp DVB-QLDD 9A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	QLD2045	Thực hành trắc địa địa chính	Nghiêm Thị Hoài	4	0	120
2		Học phần tự chọn:				
-	QLD2025	Thị trường bất động sản	Trần Thị Lý	2	23	15
-	QLD2046	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội	Phạm Quốc Thắng	2	23	15
-	QLD2031	Xây dựng bản đồ đất	Đỗ Thị Lan Anh	2	23	15
-	TNM2040	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Khương Mạnh Hà	2	23	15
3	QLD7032	Thực tập nghề nghiệp		4	06 tuần	
4	QLD6036	Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề		2	10 tuần	
		Tổng cộng		18	92	180

- Thực tập nghề nghiệp: 06 tuần, từ 11/01/2021 đến 05/3/2021.
- Chấm báo cáo Thực tập nghề nghiệp: 01 tuần, từ 08/3/2021 đến 12/3/2021.
- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 15/3/2021 đến 19/3/2021.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 22/3/2021 đến 28/5/2021.
- Tổng kết điểm và xét tốt nghiệp: tháng 6/2021.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 7/2021.

4. Lớp DVB-QLĐĐ 8C, DVB-QLĐĐ 8D

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	QLD2043	Hệ thống định vị toàn cầu	HD - Trần Thành Long	3	15	60
2	QLD2037	Bản đồ địa chính	Đỗ Thị Lan Anh	3	38	15
3	QLD2045	Thực hành trắc địa địa chính	HD - Trần Thành Long	4	0	120
4	QLD6036	Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề		2	10 tuần	
		Tổng cộng		12	53	195

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 26/4/2021 đến 30/4/2021.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 03/5/2021 đến 09/7/2021.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: tháng 7/2021.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 8/2021.

5. Lớp DL-QLĐĐ 10A, DL-QLĐĐ 10B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	QLD2043	Hệ thống định vị toàn cầu	HD - Trần Thanh Long	3	15	60
2	QLD2037	Bản đồ địa chính	Đỗ Thị Lan Anh	3	38	15
3	QLD2045	Thực hành trắc địa địa chính	HD - Trần Thanh Long	4	0	120
4	LLC2012	Kỹ năng thực hành xã hội	Nguyễn Thị Diễm	2	15	30
5	KCB2004	Xác suất - Thống kê	Mai Thị Thanh Huyền	3	30	30
6	QLD2004	Trắc địa cơ sở 2	Nghiêm Thị Hoài	4	30	60
7	QLD2039	Quy hoạch sử dụng đất	Khương Mạnh Hà	4	45	30
		Tổng cộng		23	173	345

6. Lớp DL-QLĐĐ 10C

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	QLD2003	Trắc địa cơ sở 1	Nghiêm Thị Hoài	4	30	60
2	QLD2004	Trắc địa cơ sở 2	Nghiêm Thị Hoài	4	30	60
3	QLD2036	Luật và chính sách đất đai	Phạm Quốc Thắng	4	45	30
4	QLD2037	Bản đồ địa chính	Đỗ Thị Lan Anh	3	38	15
5	QLD2012	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	Đỗ Thị Lan Anh	4	15	90
6	QLD2039	Quy hoạch sử dụng đất	Khương Mạnh Hà	4	45	30
7	QLD2040	Kinh tế - tài chính đất đai	Trần Thị Lý	4	45	30
8	QLD2044	Giám sát quản lý và sử dụng đất đai	Trần Văn Hải	3	38	15
		Tổng cộng		30	286	330

7. Lớp DV BV-QLĐĐ 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	QLD6036	Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề		2	10 tuần	
		Tổng cộng		2	0	0

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 11/01/2021 đến 15/01/2021.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 18/01/2021 đến 09/4/2021.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: tháng 4/2021.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 6/2021.

8. Lớp DV BV-QLĐĐ 7B

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 11/01/2021 đến 15/01/2021.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 18/01/2021 đến 09/4/2021.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: tháng 4/2021.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 6/2021.

9. Lớp DLV-QLĐĐ 10A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	QLD2018	Đăng ký và thống kê đất đai	HĐ - Phạm Thế Trịnh	4	38	45
2	QLD2025	Thị trường bất động sản	Trần Thị Lý	2	23	15
3	KCB2007	Hóa học đại cương	Nguyễn Thị Hoài Trang	2	23	15
4	LLC2012	Kỹ năng thực hành xã hội	Nguyễn Thị Kim Nhung	2	15	30
5	QLD2035	Đánh giá đất	Phạm Quốc Thắng	3	38	15
6	KCB2003	Toán cao cấp	Mai Thị Thanh Huyền	3	30	30
7	KCB2004	Xác suất - Thống kê	Mai Thị Thanh Huyền	3	30	30
8		<i>Học phần tự chọn</i>				
-	TNM2051	Suy thoái và bảo vệ đất	Đinh Thị Thu Trang	2	23	15
-	TNM2004	Môi trường và con người	Đinh Thị Thu Trang	2	23	15
9	QLD2049	Thực tập nghề nghiệp: Chuyên đề đăng ký đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		5	08 tuần	
		Tổng cộng		28	243	210

Hu

10. Lớp DLV-QLĐĐ 10B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	QLD2044	Giám sát quản lý và sử dụng đất đai	Lê Thị Hương Thúy	3	38	15
2	QLD2035	Đánh giá đất	Phạm Quốc Thăng	3	38	15
3	KCB2007	Hóa học đại cương	Nguyễn Thị Hoài Trang	2	23	15
4	LLC2012	Kỹ năng thực hành xã hội	Nguyễn Thị Kim Nhung	2	15	30
5	QLD2054	Thổ nhưỡng	Nguyễn Văn Vượng	3	38	15
6	QLD2037	Bản đồ địa chính	Đỗ Thị Lan Anh	3	38	15
7	QLD2041	Hệ thống thông tin địa lý và hệ thống thông tin đất	Nguyễn Văn Bài	4	23	75
8		Học phần tự chọn				
-	QLD2031	Xây dựng bản đồ đất	Nguyễn Văn Vượng	2	23	0
			Đỗ Thị Lan Anh		0	15
-	QLD2055	Bồi thường giải phóng mặt bằng	Lê Thị Hương Thúy	2	23	15
9	QLD2049	Thực tập nghề nghiệp: Chuyên đề đăng ký đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		5	08 tuần	
		Tổng cộng		29	259	210

11. Lớp DLV-QLĐĐ 10C

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	TNM2033	Sinh thái môi trường	Phan Lê Na	2	23	15
2	QLD2054	Thổ nhưỡng	Nguyễn Văn Vượng	3	38	15
3	QLD2003	Trắc địa cơ sở 1	HD - Dương Đức Thắng	4	30	60
4	QLD2004	Trắc địa cơ sở 2	HD - Dương Đức Thắng	4	30	60
5	QLD2037	Bản đồ địa chính	Đỗ Thị Lan Anh	3	38	15
6	QLD2039	Quy hoạch sử dụng đất	Khương Mạnh Hà	4	45	30
7	QLD2024	Giao đất, thu hồi đất	Lê Thị Hương Thúy	3	30	30
8		Học phần tự chọn				
-	QLD2031	Xây dựng bản đồ đất	Nguyễn Văn Vượng	2	23	0
			Đỗ Thị Lan Anh		0	15
-	QLD2055	Bồi thường giải phóng mặt bằng	Lê Thị Hương Thúy	2	23	15
-	TNM2051	Suy thoái và bảo vệ đất	Đinh Thị Thu Trang	2	23	15
-	TNM2004	Môi trường và con người	Đinh Thị Thu Trang	2	23	15
-	TNM2024	Đánh giá tác động môi trường	Phan Lê Na	2	23	15
		Tổng cộng		33	349	300

12. Lớp D-QLTN 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		10		
-	TNM2038	Chuyên đề tốt nghiệp		6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:		4		
+	TNM2050	Quản lý tổng hợp lưu vực sông	Nguyễn Chí Thành	2	23	15
+	TNM2052	Truyền thông môi trường	Phạm Quốc Thắng	2	23	0
			Đặng Thu Huyền		0	15
		Tổng cộng		10	46	30

- Thực tập tốt nghiệp và chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 16/11/2020 đến 22/01/2021:
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 25/01/2021 đến 26/3/2021.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: tháng 4/2021.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 5/2021.

13. Lớp D-QLTN 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	TNM2053	Thanh tra và kiểm toán môi trường	Dương Thị Hậu	3	30	30
2	QLD2053	Hệ thống thông tin địa lý	Nguyễn Văn Bài	3	15	0
			Đặng Thu Huyền		0	60
3	TNM2016	Mô hình hóa trong quản lý môi trường	Dương Thị Hậu	3	30	30
4		Học phần tự chọn:				
-	TNM2051	Suy thoái và bảo vệ đất	Đinh Thị Thu Trang	2	23	0
			Đặng Thu Huyền		0	15
5	TNM2054	Thực tập nghề nghiệp		6	09 tuần	
		Tổng cộng		17	98	135

Handwritten signature

VI. KHOA CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

1. Lớp D-CNTP 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Trong đó	
				LT	TH
1	CNT2046	Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề	6	10 tuần	
		Tổng cộng	6	0	0

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 04/01/2021 đến 08/01/2021.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 11/01/2021 đến 02/4/2021.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: tháng 4/2021.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 5/2021.

2. Lớp D-CNTP 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	CNT2050	Tự động hóa các quá trình công nghệ	Nguyễn Văn Quang	3	30	30
2	CNT2047	Quản lý và kiểm tra chất lượng thực phẩm	Đào Thị Vân Anh	5	53	45
3	CNT2039	Luật thực phẩm	Phạm Thị Bình	2	23	15
4	CNT2014	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	Khổng Thị Thanh	2	23	15
5		Học phần tự chọn:				
-	CNT2051	Công nghệ sản xuất rượu, bia, nước giải khát	Nguyễn Thị Thanh Huyền	3	30	30
6	CNT2062	Thực tập nghề nghiệp 1		4	06 tuần	
		Tổng cộng		19	159	135

3. Lớp D-CNTP 9A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2011	Kỹ năng giao tiếp (THY9A + CNT9A)	Đinh Thị Loan	2	15	30
2	KCB2019	Điện kỹ thuật	Tổng Hải Yến	2	23	15
3	CNT2022	Vì sinh vật học thực phẩm	Nguyễn Công Thành	5	53	45
4	CNT2042	Phương pháp tiếp cận khoa học trong Công nghệ thực phẩm	Ngô Anh Sơn	2	23	15
5	CNT2005	Các quá trình - thiết bị trong công nghệ thực phẩm 1	Nguyễn Văn Quang	5	53	45
6	CNT2026	Công nghệ chất thơm và phụ gia thực phẩm	Khổng Thị Thanh	3	30	30
7	CNT2011	Vật lý học thực phẩm	Nguyễn Đà Giang	2	23	15
		Tổng cộng		21	220	195

Handwritten signature

V. TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ - TIN HỌC**1. Lớp D-NNTQ 10A**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2014	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trần Thị Hương	2	15	30
2	LLC2015	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đinh Thị Loan	2	15	30
3	LLC2004	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Dung	2	15	30
4	THN2022	Tiếng Anh 2	Đỗ Thị Huyền	4	30	60
5	THN2031	Thực hành tiếng 1 A1	HĐ - Ngô Viết Hoàn	4	45	0
			Nguyễn Công Thành		0	30
6	THN2032	Thực hành tiếng 2 A1	HĐ - Ngô Viết Hoàn	4	45	0
			Nguyễn Công Thành		0	30
7	THN2029	Dẫn luận Ngôn ngữ học	Nguyễn Thị Hoa	2	15	30
8	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
		Tổng cộng		21	180	270

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Mai Thị Huyền